



KẾT QUẢ VÒNG 3 CUỘC THI TOEFL JUNIOR CHALLENGE 2018

(Sắp xếp theo Điểm tổng)



Ngày thi: 12/5/2019

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: HỒ CHÍ MINH

TỔNG SỐ THÍ SINH THAM DỰ: 96

Cao nhất: 670

Thấp nhất: 410

Điểm trung bình: 590

Stt	Họ và Tên		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện	Nghe hiểu	Cấu trúc và Ngữ pháp	Độc hiểu	Điểm tổng	CEFR	KNLNN VN
1	Pham Quang	Minh	05/18/2005	88700056	8	8	THPT CHUYÊN TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	66	68	67	670	C2	Bậc 6
2	Tran Dang Thien	An	10/17/2004	88415508	9	9B2	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	66	68	63	657	C2	Bậc 6
3	Vo Minh	Tien	03/23/2004	88411769	9	9	THCS TÂN TẠO A	QUẬN BÌNH TÂN	65	68	64	657	C2	Bậc 6
4	Phan Trong	Tue	01/30/2006	88407594	7	7/14	DL QUỐC TẾ Á CHÂU	QUẬN 10	61	68	67	653	C2	Bậc 6
5	Bui Linh	Nhi	07/03/2006	88404833	7	7/4	DL QUỐC TẾ CANADA (BCIS)	QUẬN 7	68	68	60	653	C2	Bậc 6
6	Vo Khanh Truc	Quan	06/08/2004	88700065	9	9	THCS VÂN ĐỒN	QUẬN 4	63	68	65	653	C2	Bậc 6
7	Nguyen Hung	Thinh	04/20/2004	88413524	9	9A8	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	66	61	67	647	C1	Bậc 5
8	Nguyen Huynh Minh	Chi	03/17/2004	88414110	9	9/1	THCS TRƯỜNG THỌ	QUẬN THỦ ĐỨC	63	68	63	647	C1	Bậc 5
9	Ngo Phuong	Hong	09/05/2004	88700002	9	9B2	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	62	64	67	643	C1	Bậc 5
10	Nguyen Hoang	Khoi	01/07/2005	88700036	8	8A5	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	68	64	61	643	C1	Bậc 5
11	Nguyen	Dung	03/29/2005	88700061	8	8	DL ĐÌNH THIÊN LÝ		68	64	60	640	C1	Bậc 5
12	Huynh Tuan	Kiet	09/10/2004	88700063	9	9	THCS ĐÔNG KHỞI	QUẬN 1	66	61	63	633	C1	Bậc 5
13	Bui Le Thuc	Anh	12/10/2005	88400492	8	8H2	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN PHÚ NHUẬN	65	64	60	630	C1	Bậc 5
14	Do Gia	Huy	11/14/2006	88413391	7	7A15	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	63	64	62	630	C1	Bậc 5
15	Vu Hoang Khoi	Nguyen	09/12/2006	88421385	7	7A2	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	63	61	65	630	C1	Bậc 5
16	Pham Diep Ky	An	03/11/2006	88413327	7	7A9	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	62	68	59	630	C1	Bậc 5
17	Phan Anh	Khoi	09/24/2004	88413566	9	9A16	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	58	68	63	630	C1	Bậc 5
18	Nguyen Huynh	Anh	09/14/2004	88414126	9	9/1	THCS TRƯỜNG THỌ	QUẬN THỦ ĐỨC	62	64	63	630	C1	Bậc 5
19	Le Hoang	Long	03/18/2006	88413268	7	7A4	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	63	61	64	627	C1	Bậc 5
20	Tran Khang	Thinh	02/23/2005	88700049	8	8/L1	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 2	60	64	63	623	C1	Bậc 5
21	Nguyen P Thanh	Long	08/15/2005	88404738	8	8/R1	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	63	64	60	623	C1	Bậc 5
22	Nguyen Quang	Thuan	05/26/2004	88402307	9	9/14	THCS TÂN BÌNH	QUẬN TÂN BÌNH	63	64	60	623	C1	Bậc 5

Stt	Họ và Tên		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện	Nghe hiểu	Cấu trúc và Ngữ pháp	Đọc hiểu	Điểm tổng	CEFR	KNLNN VN
23	Phan N Khanh	Linh	02/18/2005	88413475	8	8A11	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	62	64	61	623	C1	Bậc 5
24	Vo Le Tinh	Nhi	03/15/2005	88413497	8	8A14	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	68	59	60	623	C1	Bậc 5
25	Huynh Ngoc Dang	Khoa	03/15/2007	88400465	6	6H3	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN PHÚ NHUẬN	65	60	60	617	C1	Bậc 5
26	Tran Ngoc	Minh	10/11/2005	88415553	8	8B2	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	63	59	63	617	C1	Bậc 5
27	Nguyen Ngoc Uyen	Chi	08/23/2004	88420999	9	9A1	THCS NGÔ SỸ LIÊN	QUẬN TÂN BÌNH	62	64	59	617	C1	Bậc 5
28	Le Nguyen Dang	Khoa	01/29/2005	88413458	8	8A10	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	62	61	62	617	C1	Bậc 5
29	Pham Ngoc Khanh	Linh	10/24/2007	88415860	6	6	THCS PHAN VĂN TRỊ	QUẬN GÒ VẤP	63	64	57	613	C1	Bậc 5
30	Pham My Lan	Anh	02/01/2006	88421514	7	7/10	THCS BA ĐÌNH	QUẬN 5	63	61	59	610	C1	Bậc 5
31	HUYNH N MINH	KHANG	01/14/2004	88414556	9	9A2	THCS LÊ QUÝ ĐÔN	QUẬN THỦ ĐỨC	63	61	58	607	C1	Bậc 5
32	Vo Le Vinh	Hien	02/11/2004	88402088	9	9A1	THCS NGÔ SỸ LIÊN	QUẬN TÂN BÌNH	65	61	56	607	C1	Bậc 5
33	Dang Ngoc Phuong	Nam	03/07/2007	88417121	6	6A7	THCS NGUYỄN VINH NGHIỆP	QUẬN 12	62	59	61	607	C1	Bậc 5
34	Nguyen Phan Tuan	Kiet	05/11/2006	88700034	7	7A11	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	62	61	59	607	C1	Bậc 5
35	Chau Que	Chi	02/15/2004	88700003	9	9B2	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THẠNH	66	54	61	603	C1	Bậc 5
36	Nguyen Khanh	Trang	03/12/2003	88419122	9	9/9	THCS AN LẠC	QUẬN BÌNH TÂN	61	57	63	603	C1	Bậc 5
37	Tran Anh	Kiet	09/13/2005	88406301	8	8T1	THCS HOA LƯ'	QUẬN 9	63	60	58	603	C1	Bậc 5
38	Arlongkornchai	Emily	01/01/2007	88412996	6	6A1	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	65	60	56	603	C1	Bậc 5
39	Ton That Minh	Nguyen	10/10/2006	88421391	7	7A10	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	65	61	55	603	C1	Bậc 5
40	Nguyen Thien	Nhan	09/18/2006	88413238	7	7A2	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	61	60	60	603	C1	Bậc 5
41	Hoang	Phuc	02/14/2007	88409776	6	6/1	THCS BẠCH ĐẰNG	QUẬN 3	63	61	56	600	C1	Bậc 5
42	La Hoai	Dan	05/10/2005	88406249	7	7a3	THCS HOA LƯ'	QUẬN 9	65	60	55	600	C1	Bậc 5
43	Tran Dang Gia	Bao	03/02/2005	88413404	8	8A1	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	59	57	64	600	C1	Bậc 5
44	DANG N TUAN	THANH	06/29/2005	88413424	8	8A2	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	59	60	61	600	C1	Bậc 5
45	Nguyen Tran Anh	Thu	06/30/2005	88408749	8	8/4	THCS PHẠM VĂN CHIẾU	QUẬN GÒ VẤP	63	57	59	597	C1	Bậc 5
46	Nguyen Ha	Phuong	03/01/2004	88408700	9	9A8	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	61	60	58	597	C1	Bậc 5
47	Nguyen Huynh Tuan	Anh	02/25/2006	88413335	7	7A10	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	56	64	58	593	C1	Bậc 5
48	Vo Nguyen My	An	08/05/2005	88413418	8	8A2	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	58	60	60	593	C1	Bậc 5
49	Tran Quang	Huy	04/25/2006	88403679	7	7	THCS VÂN ĐỒN	QUẬN 4	58	64	56	593	C1	Bậc 5
50	Truong Quang	Phuoc	07/19/2005	88416339	8	8/G3	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN GÒ VẤP	62	58	57	590	C1	Bậc 5
51	Le Nha Truc Son	Kha	10/20/2005	88414478	8	8A1	THCS LÊ QUÝ ĐÔN	QUẬN THỦ ĐỨC	59	59	59	590	C1	Bậc 5
52	Le Minh	Duc	01/29/2006	88421389	7	7A9	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	61	57	59	590	C1	Bậc 5

Stt	Họ và Tên		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện	Nghe hiểu	Cấu trúc và Ngữ pháp	Đọc hiểu	Điểm tổng	CEFR	KNLNN VN
53	Pham Ho Tuong	Nguyen	12/13/2004	88402757	9	9A4	THCS VÕ VĂN TẦN	QUẬN TÂN BÌNH	63	61	53	590	C1	Bậc 5
54	Pham Le Binh	Minh	05/01/2007	88700055	6	6	THPT CHUYÊN TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	63	59	55	590	C1	Bậc 5
55	Nguyen Ngoc	Hieu	09/05/2006	88416348	7	7/G3	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN GÒ VẤP	61	61	54	587	B2	Bậc 4
56	Tran Nhu	Khanh	04/13/2005	88404763	8	8/S3	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	63	57	56	587	B2	Bậc 4
57	Do Nguyen Phuong	Nghi	08/29/2004	88700008	9	9/10	THCS BA ĐÌNH	QUẬN 5	63	57	56	587	B2	Bậc 4
58	Tran Mai Khanh	Ha	01/04/2004	88418351	9	9	THCS NGUYỄN AN NINH	QUẬN 12	63	54	59	587	B2	Bậc 4
59	Cao Dang	Khiet	10/11/2006	88413393	7	7A15	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	63	55	58	587	B2	Bậc 4
60	Pham Vu Minh	Khoa	12/08/2005	88412385	8	8/4	THCS VĂN LANG	QUẬN 1	62	57	57	587	B2	Bậc 4
61	Dao Anh	Quan	07/15/2005	88401791	8	8A7	THCS NGÔ QUYỀN	QUẬN TÂN BÌNH	63	53	59	583	B2	Bậc 4
62	Khuat Dang	Khoi	07/08/2007	88407945	6	6A8	THCS TRẦN PHÚ	QUẬN 10	61	57	56	580	B2	Bậc 4
63	Nguyen Cao Khanh	Ngoc	05/15/2007	88412610	6	6A7	THCS HUỖNH KHUÔNG NINH	QUẬN 1	63	56	54	577	B2	Bậc 4
64	Phan Do Anh	Thu	07/05/2006	88419079	7	7/1	THCS AN LẠC	QUẬN BÌNH TÂN	59	59	53	570	B2	Bậc 4
65	Nguyen Ba	Thong	02/29/2004	88406346	9	9A2	THCS HOA LƯ'	QUẬN 9	58	57	56	570	B2	Bậc 4
66	Phan Le Xuan	Ai	06/01/2006	88413276	7	7A5	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	62	56	53	570	B2	Bậc 4
67	Tran Thanh	Duy	05/22/2006	88418644	7	7/L1	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 2	62	55	53	567	B2	Bậc 4
68	Tang Duc	Thanh	10/05/2004	88407160	9	9/31	DL QUỐC TẾ Á CHÂU	QUẬN 10	61	52	56	563	B2	Bậc 4
69	Truong Ha	My	11/03/2007	88409854	6	6/3	THCS BẠCH ĐĂNG	QUẬN 3	61	57	51	563	B2	Bậc 4
70	Nguyen Nhat	Quang	05/20/2004	88405827	9	9/5	THCS HƯNG BÌNH	QUẬN 9	60	52	57	563	B2	Bậc 4
71	Ho Ngoc	Anh	07/10/2007	88413044	6	6A4	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	58	58	53	563	B2	Bậc 4
72	Tran Hoang	Than	12/05/2004	88408737	9	9A8	THCS VÕ THÀNH TRANG	QUẬN TÂN PHÚ	57	56	56	563	B2	Bậc 4
73	Ong Thuy	Si	09/10/2006	88415824	7	7/5	THCS NGUYỄN DU	QUẬN GÒ VẤP	62	52	54	560	B2	Bậc 4
74	Do Huu Viet	Nguyen	10/10/2006	88413332	7	7A9	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	54	56	58	560	B2	Bậc 4
75	Pham Quoc	Dung	06/19/2007	88413046	6	6A4	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	57	54	56	557	B2	Bậc 4
76	Truong Le	Huy	01/01/2007	88700019	6	6A5	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	56	58	53	557	B2	Bậc 4
77	Le Chau	Anh	04/11/2007	88413143	6	6A9	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	61	55	51	557	B2	Bậc 4
78	Dinh Nhat	Tan	08/08/2007	88400470	6	6H3	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN PHÚ NHUẬN	57	55	53	550	B2	Bậc 4
79	Truong Cong	Toan	04/25/2005	88420112	8	8/G3	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN GÒ VẤP	62	49	54	550	B2	Bậc 4
80	Vo Hung	Phuong	04/07/2006	88419768	7	7/2	THCS TRẦN QUỐC TOẢN	QUẬN 2	56	57	52	550	B2	Bậc 4
81	Nguyen Mai	Trang	12/02/2006	88415585	7	7B1	DL VINSCHOOL	QUẬN BÌNH THANH	61	52	51	547	B2	Bậc 4
82	Nguyen Ngoc Bao	Tran	05/13/2006	88412927	7	7A4	THCS TRẦN VĂN ƠN	QUẬN 1	55	55	54	547	B2	Bậc 4

Stt	Họ và Tên		Ngày sinh	Số báo danh	Khối	Lớp	Trường	Quận/Huyện	Nghe hiểu	Cấu trúc và Ngữ pháp	Đọc hiểu	Điểm tổng	CEFR	KNLNN VN
83	Doan Ngoc	Trung	02/02/2004	88401982	9	9A7	THCS NGÔ QUYÊN	QUẬN TÂN BÌNH	60	53	50	543	B2	Bậc 4
84	Nguyen Bao	Phuc	03/07/2007	88404731	6	6/R2	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	57	54	51	540	B2	Bậc 4
85	Tran Vu Khanh	Tran	01/22/2005	88404761	8	8/S3	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	55	51	56	540	B2	Bậc 4
86	Nguyen Gia	Han	12/09/2005	88406536	8	8/4	THCS LÊ ANH XUÂN	QUẬN 11	54	54	54	540	B2	Bậc 4
87	Pham My Duc	Anh	11/20/2005	88407355	8	8A7	DL QUỐC TẾ Á CHÂU	QUẬN 10	55	53	53	537	B2	Bậc 4
88	Tran Dieu	Linh	03/24/2007	88404728	6	6/R1	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN 7	55	54	52	537	B2	Bậc 4
89	Bui Minh	Duy	10/26/2006	88407126	7	7/33	DL QUỐC TẾ Á CHÂU	QUẬN 10	56	54	50	533	B2	Bậc 4
90	Phan Hoang	Quan	09/12/2004	88403039	9	9a5	THCS HOÀNG HOA THÁM	QUẬN TÂN BÌNH	59	49	52	533	B2	Bậc 4
91	Vo Kim	Ngan	01/25/2006	88413317	7	7A8	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	52	50	57	530	B2	Bậc 4
92	Nguyen Duc Bao	Khoi	10/07/2007	88413207	6	6A14	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	55	51	52	527	B2	Bậc 4
93	Ly Anh Quang	Duy	05/15/2004	88400516	9	9H3	DL QUỐC TẾ VIỆT ÚC	QUẬN PHÚ NHUẬN	57	47	53	523	B2	Bậc 4
94	Nguyen Hoang Bao	Han	09/06/2007	88407536	6	6/23	DL QUỐC TẾ Á CHÂU	QUẬN 10	58	52	45	517	B2	Bậc 4
95	Vo Nguyen Viet	Linh	09/04/2004	88404825	9	9/3	DL QUỐC TẾ CANADA (BCIS)	QUẬN 7	57	43	51	503	B2	Bậc 4
96	Truong My Cat	Tuong	08/03/2005	88413463	8	8A10	THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUẬN 1	43	39	41	410	A2	Bậc 2